

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7.04**

## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022**



*(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5500296523 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp 26/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 28 tháng 07 năm 2016)*

***Sơn La, tháng 04 năm 2023***

---

***Trang 1***

***Đơn vị phát hành: CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7.04***

***TT Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La ; Website: [www.songda704.com.vn](http://www.songda704.com.vn)***

# MỤC LỤC

<b>I.</b>	<b>TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CHUNG CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 7.04</b>	<b>3</b>
1.	TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH HÀNH VÀ PHÁT TRIỂN	3
2.	NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH	4
3.	MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ	5
4.	ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN	10
5.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	11
<b>II.</b>	<b>TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM</b>	<b>12</b>
1.	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH	13
2.	TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ	12
3.	TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN	16
4.	TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	16
5.	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU	20
<b>III.</b>	<b>BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b>	<b>21</b>
1.	ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH	20
2.	TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	21
3.	KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018	21
4.	GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN	30
<b>IV.</b>	<b>ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b>	<b>23</b>
1.	ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	30
2.	ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC	30
3.	KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	31
<b>V.</b>	<b>QUẢN TRỊ CÔNG TY</b>	<b>24</b>
1.	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	28
2.	BAN KIỂM SOÁT	28
3.	CÁC GIAO DỊCH, THỪ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT	29
<b>VI.</b>	<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b>	<b>29</b>

# I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CHUNG CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 7.04

## 1. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH HÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

### Giới thiệu chung

<b>Tên công ty</b>	:	<b>CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7.04</b>
<b>Tên Tiếng Anh</b>	:	Song Da 7.04 Joint Stock Company
<b>Tên viết tắt tiếng Anh</b>	:	SONGDA 7.04.,JSC
<b>Trụ sở chính</b>	:	Thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La
<b>Điện thoại</b>	:	(0242) 0236 699
<b>Website</b>	:	songda704.com.vn
<b>Email</b>	:	songda704@gmail.com
<b>Tài khoản số</b>	:	4131 000000 0285 tại Phòng giao dịch Mường La – Chi nhánh Ngân hàng đầu tư và phát triển tỉnh Sơn La
<b>Giấy CNĐKKD</b>	:	Số 5500296523 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp ngày 26/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 28/07/2016
<b>Mã số thuế</b>	:	5500296523
<b>Vốn điều lệ</b>	:	<b>64.800.000.000</b> (Sáu mươi tư tỷ, tám trăm triệu) đồng
<b>Mã cổ phiếu</b>	:	<b>S74</b>

### Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 tiền thân là Xí nghiệp Sông Đà 7.04 và Xí nghiệp Sông Đà 7.06 trực thuộc Công ty Cổ phần Sông Đà 7.

#### *Năm 2003*

Xí nghiệp Sông Đà 7.04 và Xí nghiệp Sông Đà 7.06 được thành lập và được giao nhiệm vụ sản xuất bê tông thương phẩm và sản xuất các loại đá dăm phục vụ thi công công trình thủy điện Tuyên Quang. Trong thời gian từ năm 2003 đến năm 2006 đơn vị đã được đầu tư 01 trạm trộn bê tông công suất 120 m<sup>3</sup>/h, 02 trạm nghiền công suất 100.000 m<sup>3</sup>/năm; 250.000 m<sup>3</sup>/năm cùng nhiều xe máy thiết bị phục vụ khác và đơn vị đã vận hành sản xuất đáp ứng đầy đủ lượng cát, đá dăm và vữa bê tông thương phẩm theo yêu cầu tiến độ công trường đặt ra đảm bảo cho công trình thủy điện Tuyên Quang đi vào phát điện theo đúng kế hoạch mà chính phủ đề ra.

Với kinh nghiệm và uy tín đã có được khi tham gia phục vụ công tác cung cấp vật liệu cho công trình thủy điện Tuyên Quang, Xí nghiệp Sông Đà 7.04 và Xí nghiệp Sông Đà 7.06 tiếp tục được

giao nhiệm vụ sản xuất vữa bê tông thương phẩm và sản xuất cát, đá dăm các loại để phục vụ thi công công trình thủy điện Sơn La.

### ***Năm 2006***

Tháng 07/2006, thực hiện chủ trương nâng cao năng lực sản xuất, tập trung sắp xếp lại cơ cấu ngành nghề trong doanh nghiệp, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 7 quyết định sáp nhập hai đơn vị Xí nghiệp Sông Đà 7.04 và Xí nghiệp Sông Đà 7.06 và lấy tên là Xí nghiệp Sông Đà 70.4.

Để đáp ứng nhiệm vụ mới được giao, Xí nghiệp Sông Đà 7.04 tiếp tục được đầu tư mới thêm 02 trạm nghiền có công suất 350.000 m<sup>3</sup>/năm, 650.000 m<sup>3</sup>/năm đồng thời cải tạo 02 dây chuyền cũ sản xuất sản phẩm mới là cát xay để phục vụ công tác thi công bê tông đầm lã tại thủy điện Sơn La và đầu tư thêm 01 trạm trộn bê tông công suất 130 m<sup>3</sup>/h.

### ***Năm 2007***

Ngày 21 tháng 12 năm 2007, Công ty tiến hành Đại hội đồng cổ đông thành lập với tổng số vốn điều lệ là 40.000.000.000, tương ứng với 4.000.000 cổ phần.

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 chính thức đi vào hoạt động ngày 26 tháng 12 năm 2007 với mức vốn điều lệ là 40 tỷ đồng, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5500296523 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp.

## **2. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH**

**Địa bàn kinh doanh:** Công ty hoạt động kinh doanh chủ yếu tại địa bàn Hà Nội, Hòa Bình và các tỉnh phía bắc.

### **Lĩnh vực hoạt động chính:**

- Xây dựng các công trình công nghiệp;
- Xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình thủy lợi;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Xây dựng công trình thủy điện, bưu điện;
- Khai thác, sản xuất các loại vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản với quyền chủ sở hữu, hoặc đi thuê;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phương tiện vận tải cơ giới, phụ tùng cơ giới phục vụ thi công xây dựng, vận tải hàng hóa đường bộ;
- Kinh doanh xây dựng các khu đô thị, nhà cao tầng, khu công nghiệp;

- Đầu tư tài chính và đầu tư các dự án khác mà pháp luật cho phép;
- Đầu tư, quản lý vận hành nhà máy thủy điện vừa và nhỏ;
- Kinh doanh bán điện;
- Sản xuất và kinh doanh kim khí, các sản phẩm về cơ khí;
- Kinh doanh dịch vụ nhà hàng;
- Kinh doanh dịch vụ khác sạn;
- Kinh doanh khu vui chơi giải trí.

### 3. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

**Mô hình quản trị Công ty:** Công ty hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, bao gồm:

- Cơ quan Công ty;
- Các chi nhánh trực thuộc Công ty;
- Các công ty liên kết

#### **Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty**

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Cơ sở của hoạt động quản trị và điều hành Công ty là Điều lệ tổ chức và hoạt động được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

#### **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu hoặc người được cổ đông uỷ quyền. ĐHĐCĐ có nhiệm vụ:

- Thông qua kế hoạch phát triển của Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, các báo cáo của Ban kiểm soát và của HĐQT;
- Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- Quyết định số lượng thành viên của HĐQT;
- Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT và Ban kiểm soát; phê chuẩn việc HĐQT bổ nhiệm Tổng Giám đốc;
- Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ, thông qua định hướng phát triển của Công ty, quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

## **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

HĐQT gồm 03 thành viên với nhiệm kỳ hoạt động 05 năm. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty, trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông, bao gồm:

- Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
- Xác định mục tiêu hoạt động và mục tiêu chiến lược trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua;
- Bổ nhiệm và bãi nhiệm các người quản lý Công ty theo đề nghị của Giám đốc và quyết định mức lương của họ;
- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
- Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời, tổ chức việc chi trả cổ tức;
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua quyết định;
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty;
- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

### ***Danh sách các thành viên HĐQT:***

1. Ông **Nguyễn Hữu Doanh** Chủ tịch HĐQT
2. Ông **Nguyễn Trọng Khoa** Ủy viên HĐQT
3. Ông **Nguyễn Hữu Nhuận** Ủy viên HĐQT

## **BAN KIỂM SOÁT**

Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra và bãi miễn nhiệm, có những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

- Thực hiện giám sát HĐQT, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- Thẩm định báo cáo tài chính, tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT;
- Trình báo cáo thẩm định, báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
- Kiến nghị HĐQT hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

**Danh sách các thành viên Ban kiểm soát:**

1. Ông **Đặng Quang Hiệu** Trưởng BKS
2. Ông **Quát Văn Quang** Thành viên BKS
3. Ông **Nguyễn Thế Hoàng** Thành viên BKS ( Bổ nhiệm ngày 29/04/2022)
4. Ông **Nguyễn Trọng Tiêu** Thành viên BKS ( Miễn nhiệm ngày 29/04/2022)

**BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, bao gồm 02 thành viên: 01 Tổng giám đốc và 01 Phó tổng giám đốc.

Tổng giám đốc là người quản lý, giám sát và điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty. Tổng giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau :

- Quản lý và điều hành các hoạt động, công việc hàng ngày của Công ty thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc theo quy định của pháp luật và Điều lệ;
- Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Ký kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế, dân sự và các loại hợp đồng khác phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty;
- Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh quản lý của Công ty mà không thuộc đối tượng do HĐQT bổ nhiệm;
- Tuyển dụng, thuê mướn và bố trí sử dụng người lao động theo quy định của HĐQT, phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty. Quyết định mức lương, phụ cấp (nếu có) cho người lao động trong Công ty;
- Đại diện Công ty trước pháp luật, đại diện Công ty trong các tranh chấp có liên quan đến Công ty;
- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

**Danh sách Ban Tổng giám đốc:**

1. Ông **Trần Văn Tài** Tổng giám đốc
2. Ông **Nguyễn Trọng Bắc** Phó tổng giám đốc

**PHÒNG TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH**

Phòng Tổ chức – Hành chính có chức năng giúp việc cho HĐQT và Tổng giám đốc điều hành trong công tác tổ chức, nhân sự, tổ chức sắp xếp, sử dụng, phát triển nguồn nhân lực; khen thưởng kỷ luật và thực hiện các chế độ chính sách đối với người lao động; công tác đối ngoại, đối nội quản trị hành chính văn phòng và văn thư lưu trữ trong phạm vi toàn Công ty. Các nhiệm vụ chính bao gồm:

- Công tác tổ chức;
- Công tác cán bộ và đào tạo;
- Công tác lao động và tiền lương;
- Công tác khen thưởng, kỷ luật;
- Công tác hành chính, bảo vệ, y tế.

## **PHÒNG THIẾT BỊ KỸ THUẬT**

Phòng thiết bị kỹ thuật có chức năng chính về công tác quản lý cơ giới, vật tư của Công ty đảm bảo khai thác sử dụng hiệu quả xe máy thiết bị và sử dụng vật tư tiết kiệm. Mua sắm và chịu trách nhiệm về mặt định mức tiêu hao nhiên liệu, quản lý bảo dưỡng kỹ thuật xe máy thiết bị thi công hiệu quả cao nhất. Trực tiếp phụ trách công tác vệ sinh an toàn và bảo hộ lao động của Công ty. Tham mưu giúp việc cho HĐQT và Ban Tổng giám đốc về công tác quy hoạch, thiết kế, tổ chức, lập biện pháp thi công đảm bảo tiến độ, chất lượng công trình, dự án công ty tham gia, giám sát toàn bộ công tác kỹ thuật, thi công, chất lượng các dự án, hạng mục thi công, sản phẩm sản xuất của Công ty. Các nhiệm vụ chính bao gồm:

- Lập quy hoạch, thiết kế, bản vẽ kỹ thuật dự án, công trình;
- Kiểm tra, phân tích bản vẽ thiết kế các dự án, công trình công ty tham gia đấu thầu, thi công;
- Tính toán, bóc tách các loại vật liệu từ bản vẽ thiết kế thi công được duyệt;
- Tổ chức, lập biện pháp thi công đảm bảo an toàn, chất lượng, đúng kỹ thuật;
- Giám sát, điều hành công tác kỹ thuật, thi công tại hiện trường;
- Xây dựng, ban hành các quy định về quản lý chất lượng, quy trình đảm bảo kỹ thuật;
- Lập các báo cáo khối lượng thi công, tiến độ chi tiết các dự án, công trình theo yêu cầu quản lý;
- Tổ chức đơn đốc công tác nghiệm thu, bàn giao, lập hồ sơ thu vốn theo đúng yêu cầu, tiến độ;
- Mua sắm vật tư, thiết bị cung cấp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, áp dụng các hình thức đấu thầu, chọn thầu đảm bảo mua được vật tư, máy móc thiết bị với chi phí thấp nhất, hiệu quả sử dụng cao nhất;
- Chịu trách nhiệm về chất lượng, giá cả công năng của các vật tư mua về;
- Theo dõi việc sử dụng vật tư đúng định mức, đảm bảo tiết kiệm và hiệu quả;
- Lập hồ sơ, lý lịch máy móc, thiết bị. Theo dõi việc bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa tiêu hao nhiên liệu của từng máy móc thiết bị;
- Là đầu mối quản lý toàn bộ hệ thống máy móc, vật tư, thiết bị phục vụ hoạt động SXKD của Công ty;
- Báo cáo định kỳ về việc mua sắm và sử dụng vật tư, thiết bị, tình trạng kỹ thuật hoạt động của từng xe máy, thiết bị;



- Tổ chức huấn luyện an toàn lao động cho người lao động mới vào làm việc và theo định kỳ;
- Tổ chức, theo dõi cấp phát và sử dụng trang thiết bị, dụng cụ lao động và bảo hộ lao động đảm bảo sản xuất phải an toàn;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân cấp quản lý và theo sự chỉ đạo của Giám đốc Công ty.

### **PHÒNG KINH TẾ TỔNG HỢP**

Phòng Kinh tế tổng hợp có chức năng tham mưu, tư vấn giúp Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc công ty trong các công tác: quản lý kinh tế; quản lý kế hoạch; đầu tư; tiếp thị, đấu thầu, thị trường; kỹ thuật phân xây lắp; thiết lập các kế hoạch sản xuất kinh doanh, các kế hoạch đầu tư dự án một cách hiệu quả và khả thi. Tổ chức khai thác tối đa các tiềm năng, lợi thế kinh doanh của Công ty, nghiên cứu thị trường, xây dựng chính sách bán hàng, phát triển mạng lưới thiêu thụ và chăm sóc khách hàng. Giám sát, nghiệm thu công trình thi công phân xây lắp đảm bảo đúng chất lượng và tiến độ theo đúng hồ sơ thiết kế. Xây dựng và ban hành định mức, đơn giá cho từng hạng mục công việc. Các nhiệm vụ chính bao gồm:

- Công tác quản lý kinh tế đối với các công trình Công ty thi công;
- Công tác định mức, đơn giá tiền lương;
- Công tác hợp đồng kinh tế;
- Công tác hạch toán kinh doanh;
- Công tác kế hoạch;
- Công tác đầu tư;
- Công tác tiếp thị đấu thầu;

### **PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN**

Phòng Tài chính Kế toán có chức năng tham mưu giúp việc cho HĐQT và Tổng giám đốc về công tác tài chính kế toán, tín dụng, hạch toán kinh doanh trong toàn Công ty, điều tiết các nguồn lực tài chính, khai thác và sử dụng nguồn vốn hiệu quả nhằm mục tiêu phát triển chung toàn Công ty. Các nhiệm vụ chính bao gồm:

- Lập kế hoạch tài chính, huy động vốn, sử dụng phân phối vốn;
- Thu thập, phân loại và xử lý tổng hợp số liệu, thông tin về hoạt động SXKD;
- Phản ánh, ghi chép các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong quá trình hoạt động SXKD của Công ty một cách đầy đủ, trung thực và kịp thời;
- Phát hành một số chứng từ theo mẫu bắt buộc của Nhà nước như: Hóa đơn giá trị gia tăng, giấy nộp tiền vào ngân sách ...;
- Tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản kế toán;
- Tổng hợp số liệu và lập các báo cáo kế toán theo quy định;
- Lập các báo cáo đột xuất thuộc lĩnh vực tài chính kế toán theo yêu cầu của Tổng công ty và lãnh đạo Công ty;

- Tổ chức đơn đốc công tác thu tiền bán hàng, quản lý và thu hồi công nợ;
- Phân tích, so sánh tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh hàng quý, năm.

#### Các Công ty liên kết:

TT	Tên công ty liên kết	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Vốn điều lệ thực góp (Đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Công ty CP Sông Đà 7.02	Xã Sơn Bình, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu	Xây lắp và sản xuất công nghiệp	40.800.000.000	34
2	Công ty CP thủy điện Cao Nguyên – Sông Đà 7	Xã Đung Knó, huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng	Xây dựng, quản lý vận hành các công trình thủy điện	51.753.620.000	43,13

#### 4. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

- Sông Đà 7.04 xác định rõ mục tiêu: lấy hiệu quả kinh tế làm thước đo cho sự phát triển bền vững của Công ty, phát huy tối đa mọi nguồn lực đang có, nâng cao vị thế và sức cạnh tranh, xây dựng thương hiệu Sông Đà 7.04.
- Hiện tại khoản đầu tư dài hạn tại các Công ty khác đang là hoạt động chính của Công ty. Về ngắn hạn Công ty tập trung tham gia điều hành tại các dự án đã góp vốn nhằm bảo toàn vốn và mang lại lợi nhuận cho Công ty. Tập trung thu vốn tại các công trình công ty đã tham gia thi công.  
+ Dài hạn
- Từng bước xây dựng một đội ngũ cán bộ quản lý năng động, có trình độ cao về chuyên môn nghiệp vụ, có tinh thần trách nhiệm. Bên cạnh đó cũng quan tâm xây dựng một đội ngũ công nhân kỹ thuật có tay nghề cao, có tác phong công nghiệp đáp ứng được các yêu cầu của công nghệ sản xuất hiện đại trong tương lai.
- Đảm bảo sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao, phát triển nguồn vốn tự có của đơn vị, đảm bảo tỷ lệ cổ tức hàng năm cho các cổ đông của Công ty;
- Phân đầu trở thành một đơn vị mạnh toàn diện, với đa ngành đa nghề, có năng lực cạnh tranh cao trong môi trường kinh tế hội nhập;
- Đảm bảo tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động trong Công ty, từng bước nâng

cao cuộc sống vì sự nghiệp dân giàu nước mạnh;

## 5. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

### ▪ RỦI RO VỀ KINH TẾ

Trong năm 2022, kinh tế thế giới đầy biến động và thách thức do xung đột chính trị và phản ứng chính sách của các nước nhằm đối phó với lạm phát. Kinh tế Việt Nam gặp rất nhiều khó khăn. Điều này có ảnh hưởng rất lớn tới Công ty cổ phần Sông Đà 7.04 trong việc tìm kiếm việc làm.

Để hạn chế những ảnh hưởng từ rủi ro về kinh tế, Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 luôn cập nhật và theo dõi sát sao các diễn biến của thị trường trong nước và thế giới để đảm bảo phản ứng linh hoạt và kịp thời trước các tình huống bất lợi có thể xảy ra.

#### *Tốc độ tăng trưởng kinh tế*

Kinh tế Việt Nam trong năm 2022 gặt hái được nhiều thành tựu đáng kể, kinh tế Việt Nam đã có một “bộ phóng” tốt khi tăng trưởng GDP thuộc diện cao nhất trên thế giới, đồng thời được đánh giá cao về kiểm soát lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô. Tuy nhiên, xu hướng tăng trưởng đang chậm lại và những khó khăn xuất hiện ngày càng nhiều kể từ nửa cuối năm 2022. Với mức tăng trưởng kinh tế trong nước như vậy, các lĩnh vực hoạt động trong nền kinh tế cũng bị ảnh hưởng rất lớn tác động trực tiếp tới các doanh nghiệp trong từng ngành, từng lĩnh vực. Như vậy, tốc độ tăng trưởng kinh tế có ảnh hưởng, thay đổi rất lớn tới cơ hội tìm kiếm việc làm mới của Sông Đà 7.04.

#### *Lạm phát*

Lạm phát cơ bản bình quân cả năm 2022 tăng 2,59%, thấp hơn mức lạm phát tổng thể. Tuy nhiên, lạm phát cơ bản liên tục tăng cao từ quý III-2022, đặc biệt trong quý IV-2022, thậm chí còn đạt các mức kỷ lục 4,47%, 4,81% và 4,99% trong các tháng 10, 11 và 12-2022 so với cùng kỳ năm 2021. Diễn biến lạm phát cơ bản trong những tháng gần đây đã vượt “thông lệ” khoảng 2% mà Việt Nam cố gắng giữ kể từ năm 2015 đến nay, cao hơn cả mức lạm phát cơ bản cuối năm 2019 - nửa đầu năm 2020 (đạt mức đỉnh 3,25% vào tháng 1-2020; trung bình năm 2020 là 2,31%). Vào những tháng cuối năm 2022, áp lực lạm phát phần nào được kiềm chế bởi những nỗ lực điều hành quyết liệt, linh hoạt và có trọng tâm của Chính phủ. Công tác tháo gỡ khó khăn đối với nguồn cung xăng dầu trong nước được đẩy nhanh. Nỗ lực ổn định tỷ giá đã giúp giảm áp lực lạm phát và kỳ vọng lạm phát.

#### *Lãi suất*

Năm 2022 là 1 năm mà lãi suất có nhiều biến động khó lường. Lãi suất tăng cao vào các tháng cuối năm làm ảnh hưởng rất lớn tới nền kinh tế nói chung và hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói riêng. Việc lãi suất tăng cao làm giá thành sản xuất và chi phí tài chính tăng mạnh Tuy nhiên hiện nay Công ty CP Sông Đà 7.04 đang tạm thời không sử dụng vốn vay của các

tổ chức tín dụng, Vì vậy hiện tại Công ty CP Sông Đà 7.04 chưa bị ảnh hưởng rủi ro về lãi suất.

#### ▪ **RỦI RO VỀ MẶT LUẬT PHÁP**

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 là Công ty đại chúng và tiến hành niêm yết trên thị trường chứng khoán tập trung, mọi hoạt động của Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 đều chịu ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Cũng như các doanh nghiệp khác được thành lập, hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 cần có thời gian để tiếp cận và tiến hành quản lý doanh nghiệp theo tất cả các quy định Pháp luật. Tuy nhiên, hiện nay các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, ... đang còn thiếu tính đồng bộ, nhất quán và thường xuyên sửa đổi, bổ sung. Do vậy, việc nắm bắt và thực thi của các doanh nghiệp còn gặp nhiều khó khăn.

#### ▪ **RỦI RO VIỆC NIÊM YẾT CỔ PHIẾU**

Việc niêm yết cổ phiếu Sông Đà 7.04 trên thị trường chứng khoán tập trung sẽ đem lại những lợi ích cho Công ty và các cổ đông. Công ty có thể quảng bá hình ảnh, thương hiệu cũng như uy tín của mình; tăng cường tính thanh khoản của cổ phiếu; tạo điều kiện cho Công ty tiếp cận thêm nguồn vốn dài hạn thông qua TTCK; hướng đến việc chuẩn hóa minh bạch hơn trong công tác quản trị, điều hành theo mô hình quản trị Công ty hiện đại.

Tuy nhiên, những biến động giá cả cổ phiếu trên thị trường chứng khoán là khó tránh khỏi. Trên thực tế giá chứng khoán trên thị trường được quyết định bởi nhiều yếu tố như cung - cầu cổ phiếu; tình hình kinh tế - xã hội; sự thay đổi về chính sách kinh tế, các quy định pháp luật về chứng khoán; tâm lý của nhà đầu tư... Sự biến động của giá cổ phiếu có thể gây ảnh hưởng đến thương hiệu, giá trị của Công ty.

#### ▪ **RỦI RO KHÁC**

Các rủi ro khác như thiên tai, bão lụt, hỏa hoạn... luôn là những rủi ro tiềm ẩn tác động trực tiếp đến tiến độ thi công của Công ty. Những biến động này làm giảm tốc độ thi công, gây thiệt hại cho công trình.

## **II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**

### **1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH**

#### **• Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2022**

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 đạt được như sau:

- Thu được 1 phần công nợ phải thu, Giải quyết được 1 số tồn tại tại các công trình đơn vị tham gia thi công.
- Hoàn thành 1 phần nghĩa vụ nợ với Cục thuế tỉnh Sơn La.

- Tổ chức thanh lý, chuyển nhượng một số tài sản hỏng, dư thừa không phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh mới.
- Cho vay vốn tạm thời nhàn rỗi chưa sử dụng tới
- Thực hiện sắp xếp lại, đổi mới mô hình hoạt động, tinh giảm đội ngũ cán bộ quản lý, nghiệp vụ để tiết giảm chi phí quản lý.
- Thực hiện chuyển nhượng Quyền sử dụng đất để xây dựng trụ sở làm việc do vướng mắc của chủ đầu tư nên chưa thể xaaway dụng văn phòng..

- **Tình hình thực hiện so với kế hoạch**

Năm 2022 Công ty cổ phần Sông Đà 7.04 không đạt được kế hoạch đề ra do không tìm kiếm được việc làm mới.

Công tác thu hồi công nợ chưa đạt được như mong muốn.

## 2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

- **Danh sách Ban điều hành**

- **Ông Trần Văn Tài – Tổng giám đốc**

- Họ và tên : Trần Văn Tài
- Giới tính : Nam
- Ngày, tháng, năm sinh : 09/03/1979
- Nơi sinh : Ngô Quyền, Thanh Miện, Hải Dương.
- Quốc tịch : Việt Nam
- Số CMTND/Hộ chiếu : 141884542, Cấp ngày 09/7/2011 Nơi cấp Hải Dương
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Ngô Quyền, Thanh Miện, Hải Dương.
- Địa chỉ thường trú : Phạm Tân, Ngô Quyền, Thanh Miện, Hải Dương.
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư điện.
- Quá trình công tác:
  - ✓ Từ 04/2004 - 09/2004: Nhân viên Ban kinh tế - Xí nghiệp SX bê tông – Công ty Sông Đà 7.
  - ✓ Từ 10/2004 - 12/2004: Phó quản đốc phân xưởng bê tông số II - Xí nghiệp SX bê tông – Công ty CP Sông Đà 7.
  - ✓ Từ 01/2005 - 04/2005: Nhân viên Ban kinh tế - Xí nghiệp SX bê tông – Công ty Sông Đà 7.

- ✓ Từ 05/2005 - 06/2005: Phó Ban quản lý cơ giới - Xí nghiệp SX bê tông – Công ty Sông Đà 7.
- ✓ Từ 07/2005 – 10/2006: Quản đốc phân xưởng bê tông - Xí nghiệp SX bê tông – Công ty CP Sông Đà 7.
- ✓ Từ 11/2006 – 12/2007: Trưởng Ban quản lý cơ giới vật tư - Xí nghiệp Sông Đà 7.04 – Công ty CP Sông Đà 7.
- ✓ Từ 01/2008 – 03/2011: Trưởng phòng Quản lý cơ giới vật tư - Công ty CP Sông Đà 704
- ✓ Từ 04/2011 – 07/2012: Giám đốc chi nhánh Công ty CP Sông Đà 7.04 tại Lai Châu
- ✓ Từ 08/2012 – 09/2013: Giám đốc Công ty TNHH MTV Sông Đà 701
- ✓ Từ 10/2013 – 01/2016: Phó phòng Quản lý cơ giới – Công ty CP Sông Đà 7
- ✓ Từ 02/2016 – đến nay: Tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 7.04
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Tổng giám đốc Công ty
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên hội đồng quản trị Công ty CP Sông Đà 7.
- Số cổ phiếu S74 đang nắm giữ (tại thời điểm 04/04/2023) : 4.860 cổ phần
- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ (tại thời điểm 04/04/2023) : 3.564 cổ phần
  - Họ và tên: **Nguyễn Thị Huyền**
  - Quan hệ: **Vợ**
  - Số cổ phần nắm giữ: **108** cổ phần
  - Họ và tên: **Trần Thị Hiền**
  - Quan hệ: **Em gái**
  - Số cổ phần nắm giữ: **3.456** cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

- **Ông Nguyễn Trọng Bắc** - **Phó Tổng giám đốc**

- Họ và tên : Nguyễn Trọng Bắc
- Giới tính : Nam
- Ngày, tháng, năm sinh : 20/10/1983
- Nơi sinh : Xã Thanh Văn, huyện Thanh Oai, TP Hà Nội.
- Quốc tịch : Việt Nam
- Số CMTND/Hộ chiếu : 111639657, Cấp ngày 13/01/2000 Nơi cấp Hà Tây
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Xã Thanh Văn, huyện Thanh Oai, TP Hà Nội.
- Địa chỉ thường trú : Xã Thanh Văn, huyện Thanh Oai, TP Hà Nội.
- Trình độ văn hóa : 12/12

---

**Trang 14**

*Đơn vị phát hành: CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7.04*

TT Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La ; Website: [www.songda704.com.vn](http://www.songda704.com.vn)

- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng, cử nhân kinh tế.
- Quá trình công tác:
  - ✓ Từ 8/2005 - 11/2006: Chuyên viên phòng kế hoạch vật tư – Công ty CP phát triển công nghệ nông thôn
  - ✓ Từ 11/2006 - 09/2009: Phó phòng TCKT – Công ty CP phát triển công nghệ nông thôn.
  - ✓ Từ 10/2007 - 05/2010: Chuyên viên Ban kinh tế CGVT – CN Hà Nội Công ty CP Sông Đà 6
  - ✓ Từ 06/2010 - 09/2011: Phó quản đốc PX bê tông – CN Hà Nội Công ty CP Sông Đà 6
  - ✓ Từ 10/2011 – 03/2012: Chuyên viên Phòng kinh tế - kế hoạch –đầu tư Công ty CP Sông Đà 6
  - ✓ Từ 04/2012 – 05/2011: Chuyên viên phòng KTTH Công ty CP Sông Đà 704.
  - ✓ Từ 06/2012 – 03/2013: Phó phòng KTTH Công ty CP Sông Đà 704
  - ✓ Từ 04/2013 – 07/2013: Phó phòng KTHH kiêm thư ký HĐQT Công ty CP Sông Đà 7.04
  - ✓ Từ 08/2013 – 05/2016: Trưởng phòng KTHH kiêm thư ký HĐQT Công ty CP Sông Đà 7.04
  - ✓ Từ 06/2016 đến nay: Phó giám đốc Công ty CP Sông Đà 7.04
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phiếu S74 đang nắm giữ (tại thời điểm 04/04/2019) : 0 cổ phần
- Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
- Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước : 0 cổ phần
- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ : 0 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- **Ông Ngô Quốc Thế - Kế toán trưởng**
  - Họ và tên: **Ngô Quốc Thế**
  - Giới tính: Nam
  - Số CMTND: 012172224 Ngày cấp: 29/03/2014 Nơi cấp: Hà Nội
  - Ngày tháng năm sinh: 03/03/1981
  - Nơi sinh: Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội
  - Quốc tịch: Việt Nam
  - Dân tộc: Kinh
  - Quê quán: Tràng An, Bình Lục, Hà Nam
- Địa chỉ thường trú: Số 41 ngách 455/46 tổ Yên Hà, Đường Hà Huy Tập, Thị trấn Yên
- Viên, Gia Lâm, Hà Nội

- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính - Kế toán, Cử nhân Tin Kinh tế
- Quá trình công tác:
  - ✓ Từ 11/2003 – 12/2005: Nhân viên phòng Tài chính – Kế toán Công ty Sông Đà 7;
  - ✓ Từ 01/2006 – 07/2006: Trưởng Ban Tài chính – Kế toán Xí nghiệp Sông Đà 706 – Công ty Cổ phần Sông Đà 7;
  - ✓ Từ 08/2006 – 12/2007: Trưởng Ban Tài chính – Kế toán Xí nghiệp Sông Đà 7.04 – Công ty Cổ phần Sông Đà 7;
  - ✓ Từ 01/2008 đến nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04;
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phần đang nắm giữ (*tại thời điểm 04/04/2023*): 0 cổ phần
- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ (*tại thời điểm 04/04/2023*): 0 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
- **Những thay đổi trong Ban điều hành: Không**
- **Số lượng cán bộ, nhân viên:**

Tính đến thời điểm 31/12/2022, Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 có 13 CBCNV.

- **Chính sách đối với người lao động:**

**Chế độ làm việc**

Thời gian làm việc: 8h/ngày, 6 ngày/tuần, nghỉ trưa 1h. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì CBCNV có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước.

Ngày phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm thai sản: CBCNV được nghỉ lễ và Tết theo quy định của Luật Lao động. Đối với CBCNV đã làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày/năm. Những người còn lại sẽ được nghỉ phép tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. CBCNV được nghỉ ốm 03 ngày (*không liên tục*) trong năm và được hưởng nguyên lương. CBCNV được hưởng các chế độ BHXH, BHYT theo quy định của nhà nước.

Điều kiện làm việc: Công ty trang bị đầy đủ các công cụ bảo hộ lao động, đồng thời Công ty



luôn tuân thủ các nguyên tắc an toàn lao động để đảm bảo năng suất lao động cao và an toàn cho CBCNV.

### **Chính sách tuyển dụng, thu hút nhân tài**

Căn cứ vào nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh, hàng năm, Công ty đều xây dựng kế hoạch tuyển dụng cho phù hợp. Công ty đề ra những tiêu chuẩn tuyển dụng nhân sự đặc biệt cho từng vị trí, song tất cả các vị trí đều có những yêu cầu chung như: có trình độ chuyên môn cơ bản, có ý thức phát triển nghề nghiệp và có tính kỷ luật cao, chủ động trong công việc, v.v... .

Với chính sách tuyển dụng có hiệu quả, trong những năm qua Công ty đã thu hút và xây dựng được một đội ngũ nhân lực giỏi từ nhiều nguồn khác nhau. Các CBCNV trẻ trung và năng động của SĐ7.04 luôn được trau dồi kỹ năng, kinh nghiệm từ những chính sách đào tạo của Công ty. Với chủ trương lấy con người làm gốc, Công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động được học tập, nâng cao kiến thức về chuyên môn và nghiệp vụ. Công ty thường xuyên cử cán bộ tham gia các khóa tập huấn, đào tạo ngắn ngày và dài ngày về các nghiệp vụ kinh doanh, đồng thời tổ chức những lớp tập huấn phổ biến công nghệ mới cho các cán bộ kỹ thuật.

Chính sách tuyển dụng hợp lý, kết hợp với kế hoạch đào tạo và trau dồi thường xuyên cho CBCNV đã góp phần giúp Sông Đà 7.04 duy trì một nguồn nhân lực chất lượng cao, tạo lợi thế cạnh tranh vững chắc để Công ty có thể tự tin mở rộng hơn nữa các hoạt động sản xuất kinh doanh trong ngành xây dựng nói chung và ngành sản xuất vật liệu xây dựng nói riêng.

### **Chính sách lương thưởng, phúc lợi**

Hệ thống lương của Sông Đà 7.04 được xây dựng dựa vào nguyên tắc công bằng trên cơ sở đánh giá một cách toàn diện trình độ, năng lực, kinh nghiệm và chủ yếu là dựa vào hiệu quả công việc của từng cá nhân và kết quả hoạt động kinh doanh của từng thời kỳ. Hệ thống này cũng bảo đảm tuân thủ những quy định về chế độ tiền lương của Nhà nước.

Định kỳ, người lao động trong Công ty được hưởng lương và được xem xét nâng bậc lương căn cứ vào trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao.

Với mục tiêu động viên người lao động nâng cao năng suất và hiệu quả công việc, Công ty áp dụng chính sách khen thưởng xứng đáng đối với các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, có đóng góp sáng kiến về giải pháp kỹ thuật giúp đem lại hiệu quả kinh doanh cao.

Hình thức khen thưởng được áp dụng bao gồm khen thưởng bằng vật chất, tuyên dương trước tập thể, tổ chức các chuyến du lịch, tập huấn trong và ngoài nước, v.v... .

Bên cạnh đó, việc xử lý cán bộ có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động và hình ảnh của Công ty cũng được Sông Đà 7.04 thực hiện chặt chẽ. Nhờ đó đã giúp Sông Đà 7.04 tạo dựng một môi trường làm việc nghiêm túc và có tinh thần thi đua cao trong toàn Công ty.

### ***Chế độ bảo hiểm và phúc lợi***

Việc trích nộp bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế cho người lao động luôn được Công ty thực hiện đầy đủ theo các quy định của pháp luật, bảo đảm quyền lợi của CBCN, giúp người lao động yên tâm trong công tác.

Bên cạnh đó, ban lãnh đạo Công ty cũng rất chú trọng tới các chế độ đãi ngộ khác dành cho người lao động. Công ty đã xây dựng và đẩy mạnh các hoạt động đoàn thể, chú trọng đến quyền lợi cũng như đời sống tinh thần của toàn thể nhân viên. Trong năm, công ty tổ chức thực hiện các chế độ thăm hỏi đối với nhân viên ốm đau, thai sản, tặng quà cho nhân viên nhân dịp sinh nhật, kết hôn, tổ chức gặp mặt, tặng quà cho con em cán bộ nhân viên nhân dịp 1-6, Trung Thu...

Những hoạt động này đã tạo nên nét văn hóa đặc trưng của Sông Đà 7.04, mang lại sự gắn kết giữa các CBCNV cũng như giữa CBCNV với Công ty.

### **Chính sách cổ tức**

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 chính thức đi vào hoạt động theo hình thức công ty cổ phần từ 26/12/2007. Theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04, chính sách phân phối cổ tức sẽ do HĐQT đề nghị và ĐHCĐ quyết định.

## **3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN**

- **Các khoản đầu tư lớn:** Trong năm 2022 Công ty chuyển nhượng hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại Lô Đất B1.1-BT03-20 có diện tích 231,77 m<sup>2</sup> cho ông Quách Tài Chính

- **Các công ty liên kết**

- Công ty CP Thủy Điện Cao Nguyên - Sông Đà 7

Công ty CP Thủy điện Cao Nguyên – Sông Đà 7 có vốn điều lệ 120.000.000.000 đồng, hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Hiện nay, Công ty đang quản lý, vận hành 01 nhà máy thủy điện tại huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng.

- Công ty CP Sông Đà 7.02

Công ty CP Sông Đà 7.02 có vốn điều lệ 120.000.000.000 đồng, hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Trong năm 2018 Công ty đã hoàn thành đưa dự án nhà máy thủy điện Nậm Thi 2 tại huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu đi vào phát điện thương mại từ tháng 07/2018 .

Trước năm 2015 hoạt động chính của Công ty xây lắp, sản xuất công nghiệp tại các dự án thủy điện Sơn La, Bản chát, Lai Châu, Sử Pán 2 và các phát sinh khối lượng, giá trị dở dang, công nợ phải thu tại các dự án này đến nay vẫn chưa được quyết toán, thu hồi dứt điểm. Từ năm 2015 đến

nay Công ty CP Sông Đà 7.02 chỉ tập trung vào việc đầu tư và thực hiện dự án thủy điện Nậm Thi 2.

#### 4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

- Tình hình tài chính

TT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022
1	Tổng giá trị tài sản	158.536.672.701	162.823.534.693
2	Doanh thu thuần	(178.931.454)	10.587.143.853
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	25.931.483.249	5.609.880.166
4	Lợi nhuận khác	227.272.727	
5	Lợi nhuận trước thuế	26.158.755.976	5.609.880.166
6	Lợi nhuận sau thuế	26.158.755.976	5.609.880.166
7	Tỷ lệ cổ tức		0%

- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
-	Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn)	Lần	3,83	3,98
-	Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	3,28	3,38
2	Chỉ tiêu cơ cấu vốn			

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2022</b>
-	Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,1	0,089
-	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,11	0,10
3	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
-	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	(146)	0,53
-	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	0,183	0,04
-	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	0,165	0,03

## 5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

- **Cổ phần:**

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 6.480.000 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 6.480.000 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: Không có.

- **Cơ cấu cổ đông:**

- Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 31/12/2021:

<b>TT</b>	<b>Cổ đông</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Số CMND/ ĐKKD</b>	<b>Số cổ phần nắm giữ (cổ phần)</b>	<b>Tỷ lệ nắm giữ (%)</b>
1	Công ty TNHH đầu tư thương mại Sông Đà	Villa 1-07,KNO & TTTM phường Hà Cầu, quận Hà Đông, TP Hà Nội	0105362335	3.354.472	51,76%
2	Đặng Thị Hồng Hạnh	Số 98, Tổ 15, Phường Đồng Tiến, Hòa Bình	113022471	1.600.000	24,69%
	<b>Tổng cộng</b>			<b>4.064.672</b>	<b>62,73%</b>

- **Cơ cấu cổ đông Công ty tại ngày 27/03/2023:**

- Tại ngày 27/03/2023 Cổ đông trong nước nắm giữ 6.412.584 cổ phần chiếm tỷ lệ 98,96%. Cổ đông nước ngoài nắm giữ 64.416 cổ phần chiếm 1,04%.
- Tại ngày 27/03/2023 cổ đông là tổ chức nắm giữ : 3.714.472 cổ phần chiếm tỷ lệ 57,32%. Cổ đông là cá nhân nắm giữ 2.765.328 cổ phần chiếm 42,68%.

- **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Không
- **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Trong năm 2022 Công ty không có hoạt động giao dịch cổ phiếu quỹ.
- **Giao dịch chứng khoán khác:** Trong năm 2022 không có giao dịch của các cổ đông lớn.

### III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

#### 1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2022 tiếp là một năm khó khăn đối với Công ty CP Sông Đà 7.04 trong tất cả hoạt động sản xuất kinh doanh từ tình hình tài chính đến việc tìm kiếm việc làm mới..

Nguyên nhân chính dẫn đến việc Tổng giá trị sản xuất kinh doanh và doanh thu không đạt so với kế hoạch là do:

- Do không tìm kiếm được công việc phù hợp với định hướng phát triển và năng lực hiện tại của Công ty.
- Toàn bộ các công trình công ty tham gia thi công, sản xuất vật liệu đều đi vào giai đoạn hoàn thành và chuyển giao sang vận hành thương mại.
- Việc tổ chức tìm kiếm việc làm, đấu thầu các dự án, công trình mới gặp rất nhiều khó khăn do trước đây công ty chủ yếu được làm các công trình chỉ định thầu và hoạt động tại địa bàn vùng sâu vùng xa.
- Tài sản cố định đã cũ hư hỏng không còn đảm ứng thi công điều kiện mới.

#### 2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

- **Tình hình tài sản**

Tổng tài sản trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022 là 162,8 tỷ đồng trong đó tài sản ngắn hạn 57,7 tỷ đồng chiếm 35 % và tài sản dài hạn 105 tỷ đồng chiếm 65%. Trong năm 2022 giá trị Tổng tài sản tăng so với thời điểm 01/01/2022 là 4,2 tỷ đồng chủ yếu tăng ở phải thu về cho vay ngắn hạn, dài hạn, các khoản dự phòng đầu tư tài chính giảm điều này chứng tỏ các khoản đầu tư tài chính của Công ty đã được bảo toàn và từng bước mang lại hiệu quả.

Năm 2022 Công ty không tìm kiếm được việc làm mới chỉ có doanh thu thu được từ việc chuyển nhượng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở Số B1.1-BT03-20 tại khu đô thị Thanh Hà – Cienco 5 tại Quận Hà Đông và huyện Thanh Oai TP Hà Nội . Lợi nhuận có được là do hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn. Điều này thể hiện Ban điều hành công ty chưa phát huy được hết năng lực của các loại tài sản của công ty, điều này được thể hiện rất rõ qua các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản nêu trên. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản đều ở mức rất thấp cho thấy việc sử dụng tài sản chưa tạo ra được nhiều doanh thu và lợi nhuận tương ứng với quy mô hiện có của tài sản.

- **Tình hình nợ phải trả**

Tính đến 31/12/2022 nợ phải trả của Công ty là 14,5 tỷ đồng giảm 1,3 tỷ đồng so với đầu năm, toàn bộ số nợ phải trả này đều là nợ ngắn hạn và có khả năng trả nợ. Nguyên nhân của việc giảm công nợ phải trả là trong năm công ty thực hiện nộp thuế vào ngân sách nhà nước gần 0,6 tỷ đồng và thanh

toán một số khoản cho nhà cung cấp. Ban lãnh đạo công ty đã cố gắng để hoàn thành nghĩa vụ ngân sách với nhà nước.

### 3. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

Ban điều hành Công ty đánh giá năm 2023 là một năm vô cùng khó khăn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bởi một số nguyên nhân:

- Do ảnh hưởng của nền kinh tế thế giới nên nhiều tổ chức, doanh nghiệp trong nước đều đang rất khó khăn nên chỉ cố gắng duy trì hoạt động không có xu hướng đầu tư mở rộng nên ảnh hưởng tới việc tìm kiếm việc làm phù hợp với Công ty.
- Máy móc thiết bị cũ, lạc hậu tổn nhiên liệu không đáp ứng được yêu cầu mới nên rất khó cạnh tranh.
- Việc đấu thầu, tiếp thị tìm kiếm công việc mới gặp khó khăn do Công ty trước đây chủ yếu tham gia dự án theo hình thức chỉ định thầu và hoạt động tại địa bàn vùng sâu vùng xa.
- Tình hình tài chính khó khăn do không thu hồi được công nợ .

Trước tình hình như vậy, Ban điều hành Công ty đề ra những mục tiêu cho hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023:

- Thu hồi công nợ tồn đọng với Tổng Công ty Sông Đà – Công ty Cổ phần tại Công trình thủy điện Huội Quảng, Nậm Chiến...
- Thường xuyên kiểm tra, giám sát các hoạt động quản lý, vận hành sản xuất điện thương phẩm của nhà máy đảm bảo năng suất, hiệu quả cao thông qua quản trị hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty CP thủy điện Cao Nguyên-Sông Đà 7 và Công ty CP Sông Đà 70.2.
- Tập trung giám sát, đôn đốc Công ty CP Sông Đà 7.02 thực hiện quá trình đầu tư, tổ chức thi công đúng tiến độ đề ra của dự án Nhà máy thủy điện Nậm Thi 1.
- Xử lý dứt điểm vật tư tồn đọng không có nhu cầu sử dụng, xe máy hư hỏng hoặc hoạt động không còn hiệu quả.
- Chủ động cân đối đủ nguồn lực tài chính phục vụ đầu tư, thi công tại các công trình của đơn vị.
- Tìm kiếm địa điểm phù hợp để đầu tư mua đất xây trụ sở Công ty và cho thuê.
- Tìm kiếm cơ hội khai thác đá và sản xuất đá dăm các loại tại khu vực lương Sơn Hòa Bình.
- Tìm kiếm cơ hội Đầu tư vào các khu công nghiệp (cụm công nghiệp) khu vực Thanh Oai Hà Nội khoảng 2ha (20.000m<sup>2</sup>) để:
  - + Xây dựng nhà xưởng kho bãi với mục đích cho thuê và sản xuất, Logistic.
  - + Xây dựng và sản xuất bê tông đúc sẵn.

### 4. GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

---

*Trang 22*

*Đơn vị phát hành: CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7.04*

TT Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La ; Website: [www.songda704.com.vn](http://www.songda704.com.vn)

Đối với ý kiến ngoại trừ tại Báo cáo kiểm toán độc lập số 310323.025/BCTC.KT5 ngày 31/03/2023 do Công ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC thực hiện Ban Tổng giám đốc đánh giá và cho rằng:

**Giải trình lợi nhuận năm 2021 lãi biến động hơn 10% so với năm 2020:**

- Hiện nay Công ty CP Sông Đà 7.04 chưa trực tiếp sản xuất kinh doanh mà tập trung thu hồi công nợ và đầu tư vào doanh nghiệp khác. Năm 2022 Công ty hoàn nhập dự phòng khoản đầu tư tài chính vào Công ty CP Sông Đà 7.02 với số tiền 5.493.292.345 đây là nguyên nhân chính làm biến động lợi nhuận trên 10% so với năm 2021.

**Giải trình ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán:**

- Khoản dự phòng đầu tư tài chính tại Công ty CP Sông Đà 7.02: Năm 2022 Công ty CP Sông Đà 7.02 phát điện ổn định nhà máy thủy điện Nậm Thi 2 và bước đầu có hiệu quả. Ban lãnh đạo Công ty nhận thấy rủi ro tài chính về khoản đầu tư này ở mức thấp nên đã hoàn nhập dự phòng đối với khoản đầu tư này.

- Đối với khoản dự phòng phải thu khó đòi: Theo đánh giá của Ban lãnh đạo Công ty thì đây là khoản nợ vẫn có khả năng thu hồi nên Công ty chưa trích lập dự phòng.

- Đối với khoản nợ quá hạn phải trả: Công ty xác định đây là khoản nợ chắc chắn phải trả trong tương lai nên Công ty không ghi nhận là thu nhập khác.

- Đối với các khoản công nợ chưa có đối chiếu: Công ty cam kết đây là khoản phải thu có thực Công ty đã gửi biên bản đối chiếu tuy nhiên khách hàng không hợp tác.

- Trong năm 2021 Công ty nhận chuyển nhượng quyền mua căn biệt thự B1.1-BT03-20 tại khu đô thị Thanh Hà của Ông Phạm Đức Thuận với mục đích xây dựng trụ sở văn phòng làm việc và cho thuê. Tuy nhiên do vướng mắc pháp lý của chủ đầu tư khu Đô thị Thanh Hà nên chưa được cơ quan nhà nước cấp phép xây dựng và cấp chứng nhận quyền sở hữu theo kỳ vọng nên ban lãnh đạo Công ty đã thực hiện chuyển nhượng nhằm mục đích thu hồi vốn kịp thời. Sau khi thu hồi được giá trị đầu tư trên do chưa có nhu cầu sử dụng vốn nên Công ty đã cho Ông Phạm Đức Thuận vay nhằm mục đích thu lợi nhuận. Ông Phạm Đức Thuận trước đây đã nhiều lần cho Công ty vay vốn để phục vụ sản xuất kinh doanh trong giai đoạn xảy ra rủi ro tài chính.

#### **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

##### **1. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY, TRONG ĐÓ CÓ ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI**

- Công tác quản lý toàn diện các mặt của Công ty như: Quản lý vốn, quản lý tài sản, quản lý chất lượng, tiến độ công trình, quản lý đầu tư, quản lý lao động. Theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
- Trong quá trình hoạt động SXKD, Hội đồng quản trị và bộ máy quản lý điều hành của Công ty luôn chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Pháp luật, chế độ chính sách của Nhà nước, Điều lệ và quy

chế quản lý nội bộ của Công ty.

## **2. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2022, Ban lãnh đạo cùng tập thể CBCNV Công ty cổ phần Sông Đà 7.04 đã nỗ lực phấn đấu lao động sản xuất tại các công trình, dự án của Đơn vị. Tuy nhiên, do nhiều yếu tố khách quan lẫn chủ quan, nên hoạt động SXKD của Công ty không hoàn thành các mục tiêu kế hoạch đã đặt ra, nguyên nhân chủ yếu như: Các công trình chỉ định thầu Đơn vị tham gia đã kết thúc; Công ty đang trong giai đoạn tập trung cơ cấu lại tổ chức hoạt động và quyết toán, thu vốn tại các công trình; Công ty chưa tìm kiếm được việc làm mới...

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 đạt được như sau:

- Hoàn thành công tác quyết toán tại các công trình trọng điểm như: Thủy điện Lai Châu, thủy điện Huội Quảng.
- Tổ chức thanh lý, chuyển nhượng một số tài sản hỏng, dư thừa không phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh mới.
- Thực hiện sắp xếp lại, đổi mới mô hình hoạt động, tinh giảm đội ngũ cán bộ quản lý, nghiệp vụ để tiết giảm chi phí quản lý.

## **3. KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

- Thu hồi dứt điểm công nợ tồn đọng với Tổng Công ty Sông Đà – Công ty Cổ phần tại Công trình thủy điện Huội Quảng, Nậm Chiến...
- Thường xuyên kiểm tra, giám sát các hoạt động quản lý, vận hành sản xuất điện thương phẩm của nhà máy đảm bảo năng suất, hiệu quả cao thông qua quản trị hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty CP thủy điện Cao Nguyên-Sông Đà 7 và Công ty CP Sông Đà 70.2.
- Tập trung giám sát, đôn đốc Công ty CP Sông Đà 7.02 thực hiện quá trình đầu tư, tổ chức thi công đúng tiến độ đề ra của dự án Nhà máy thủy điện Nậm Thi 1.
- Xử lý dứt điểm vật tư tồn đọng không có nhu cầu sử dụng, xe máy hư hỏng hoặc hoạt động không còn hiệu quả.
- Chủ động cân đối đủ nguồn lực tài chính phục vụ đầu tư, thi công tại các công trình của đơn vị.
- Tìm kiếm địa điểm phù hợp để đầu tư mua đất xây trụ sở Công ty và cho thuê.
- Tìm kiếm cơ hội khai thác đá và sản xuất đá dăm các loại tại khu vực lương Sơn Hòa Bình.
- Tìm kiếm cơ hội Đầu tư vào các khu công nghiệp (cụm công nghiệp) khu vực Thanh Oai Hà Nội khoảng 2ha (20.000m<sup>2</sup>) để:
  - + Xây dựng nhà xưởng kho bãi với mục đích cho thuê và sản xuất, Logistic.



+ Xây dựng và sản xuất bê tông đúc sẵn.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Stt	Họ và Tên	Chức Danh	Ngày bắt đầu/không còn là TV HĐQT	Tỷ lệ sở hữu	Chức danh nắm giữ tại Công ty khác
1	Nguyễn Hữu Doanh	Chủ tịch HĐQT	19/4/2013	0,083%	- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Sông Đà 7 - Chủ tịch Công ty CP Thủy Điện Cao Nguyên – Sông Đà 7
2	Nguyễn Hữu Nhuận	Thành viên HĐQT	01/6/2016	0%	- Phó giám đốc Công ty TNHH ĐT và TM xây dựng Safico - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Sông Đà phát triển hạ tầng
3	Nguyễn Trọng Khoa	Thành viên HĐQT	26/4/2017	51,77%	- Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty TNHH ĐTTM Sông Đà Miền Bắc

- Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị: Không

- Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không

- Hoạt động của Hội đồng quản trị

- Hoạt động của Hội đồng quản trị:

+ Chỉ đạo Ban Tổng giám đốc Công ty báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty.

+ Chỉ đạo Ban Tổng giám đốc Công ty triển khai Kế hoạch SXKD năm 2023 và các nội dung khác để trình Đại hội đồng cổ đông năm 2023 thông qua.

+ Chỉ đạo Ban Tổng giám đốc tiếp tục tập trung thu vốn tại các công trình: Thủy điện Huội Quảng; Thủy điện Nậm Chiến; Nhà máy xi măng Mai Sơn...và các công trình dự án mà công ty tham gia để phục vụ nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị:

+ Trong năm 2022 HĐQT đã ban hành 08 Nghị quyết, 04 Quyết định với các nội dung chủ yếu sau:

+ Nghị quyết phê duyệt phương án cho vay vốn lưu động

+ Nghị quyết Phê duyệt chủ trương tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

- + Nghị quyết phê duyệt phương án chuyển nhượng Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở.
- + Nghị quyết phê duyệt phương án mua xe ô tô.
- + Nghị quyết phê duyệt phương án thành lập Văn phòng đại diện.
- + Nghị quyết phê duyệt phương án Điều chuyển tài sản.
- + Nghị quyết Lựa chọn đơn vị kiểm toán.
- + Quyết định triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
- + Quyết định Bổ nhiệm chức danh Tổng giám đốc Công ty
- + Quyết định Bổ nhiệm chức danh kế toán trưởng Công ty
- + Quyết định thành lập Văn phòng đại diện Công ty CP Sông Đà 7.04 tại Hà Nội
- **Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:** Công ty chưa có thành viên hội đồng quản trị độc lập.
- **Danh sách thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:**

STT	Họ và tên	Trình độ đào tạo	Đơn vị đào tạo
1	Nguyễn Hữu Doanh	Thạc sĩ quản trị kinh doanh	Trường Đại học quốc gia Hà Nội

## 2. BAN KIỂM SOÁT

- **Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát**

Stt	Họ và Tên	Chức Danh	Ngày bắt đầu /không còn là TV BKS	Tỷ lệ sở hữu	Chức danh nắm giữ tại Công ty khác
1	Nguyễn Trọng Tiêu	TV BKS	29/04/2022	0%	- Giám đốc Công ty TNHH Bê Tông Sông Đà
2	Quất Văn Quang	TV BKS	10/3/2016	0%	- Thành viên HĐQT Công ty CP Sông Đà 7
3	Đặng Quang Hiệu	Trưởng BKS	26/04/2019	0%	- Kế toán trưởng Công ty CP Sông Đà 7 - Trưởng BKS Công ty CP TĐ Cao Nguyên Sông Đà 7.
4	Nguyễn Thế Hoàng	TV BKS	29/04/2022	0%	

- **Thay đổi thành viên Ban kiểm soát:** Miễn nhiệm Ông Nguyễn Trọng Tiêu ngày 29/04/2022. Bầu bổ Sung Ông Nguyễn Thế Hoàng ngày 28/04.2022.
- **Hoạt động của Ban kiểm soát**

Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát:

+ Năm 2022, Ban kiểm soát công ty đã triển khai hoạt động theo đúng quyền hạn, nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ công ty và Luật doanh nghiệp; chú trọng công tác kiểm tra, giám sát toàn diện các lĩnh vực hoạt động của công ty, đảm bảo mọi hoạt động của công ty luôn tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022.

+ Kiểm tra rà soát lại các văn bản quản lý nội bộ đã ban hành đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật mới ban hành và tình hình phát triển của công ty.

+ Kiểm tra các tờ trình của Tổng giám đốc, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đảm bảo tính phù hợp về thẩm quyền trong công việc ra quyết định. Tham gia đóng góp ý kiến và thực hiện vai trò kiểm soát toàn diện (kiểm tra, giám sát trước, trong và sau hoạt động); nhận diện và kiểm soát các rủi ro tiềm ẩn trong nội bộ hoặc ngoài công ty.

+ Thực hiện thẩm định báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị, báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh và thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo quản trị của công ty; đảm bảo các báo cáo phản ánh trung thực tình hình hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của công ty tại thời điểm báo cáo.

+ Tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành; báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính năm 2022 và các tài liệu khác trước khi trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 thông qua. Xem xét báo cáo kiểm toán, thư quản lý do tổ chức kiểm toán độc lập phát hành.

- Kết quả hoạt động của Ban kiểm soát:

+ Trong năm 2022 các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác về cơ bản đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định tại Điều lệ công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và pháp luật có liên quan; đảm bảo lợi ích hợp pháp của công ty và cổ đông của công ty.

+ Công tác chỉ đạo của Hội đồng quản trị mang tính chiến lược với các mục tiêu kế hoạch dài hạn, đồng thời chỉ đạo sát công tác điều hành sản xuất kinh doanh.

+ Hội đồng quản trị đã chỉ đạo và kiểm tra, giám sát Tổng giám đốc điều hành trong việc thực hiện và áp dụng các quy chế, quy định quản lý nội bộ đã ban hành. Sửa đổi, bổ sung kịp thời các văn bản quản lý nội bộ đảm bảo phù hợp với pháp luật hiện hành và tình hình phát triển của công ty.

+ Các nghị quyết của Hội đồng quản trị đã có sự nhất trí cao của các thành viên HĐQT tuân thủ theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ công ty và được triển khai thực hiện một cách nghiêm túc.

+ Năm 2022 Công ty không hoàn thành các chỉ tiêu của kế hoạch 2022 đề ra, cụ thể như sau: - Trong năm Công ty không tìm kiếm được việc làm mới, việc thu hồi công nợ chưa đạt được theo kỳ vọng...

+ Báo cáo của Hội đồng quản trị và Tổng Tổng giám đốc đã phản ánh đúng tình hình hoạt động và đầu tư của công ty trong năm 2022.

### 3. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

- Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

*Đơn vị tính: Đồng*

TT	Họ và tên	Chức Danh	Lương	Thù Lao	Lợi ích khác
<b>I</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>		<b>231.442.055</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Nguyễn Hữu Doanh	Chủ tịch HĐQT	0	0	0
2	Nguyễn Hữu Nhuận	Thành viên HĐQT	231.442.055	0	0
3	Nguyễn Trọng Khoa	Thành viên HĐQT	0	0	0
<b>II</b>	<b>Ban điều hành</b>		<b>341.797.211</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Trần Văn Tài	Tổng giám đốc	248.077.746	0	0
2	Nguyễn Trọng Bắc	Phó Tổng giám đốc	0	0	0
3	Ngô Quốc Thế	Kế toán Trưởng	93.719.465	0	0
<b>III</b>	<b>Ban kiểm soát</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Nguyễn Trọng Tiêu	TV BKS	0	0	0
2	Quát Văn Quang	TV BKS	0	0	0
3	Nguyễn Thế Hoàng	TV BKS	0	0	0
4	Đặng Quang Hiệu	Trưởng BKS	0	0	0

- **Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan:** Không có .
- **Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ, người liên quan:**

Số dư với các bên liên quan như sau:		Mối quan hệ	31/12/2022
<b>Phải thu ngắn hạn khách hàng</b>			<b>6.716.909.120</b>
-	Công ty cổ phần thủy điện Cao nguyên Sông Đà 7	Công ty liên kết	44.307.637
-	Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Xây dựng Safico	Thành viên HĐQT Công ty là PGĐ BLQ	6.672.601.483
<b>Phải thu khác: Công ty CP Sông Đà 7.02</b>			<b>11.615.222.678</b>
-	Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02	Công ty liên kết	137.688.678
-	Công ty Cổ phần thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7	Công ty liên kết	11.477.534.000

- **Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:** Công ty đã thực hiện đầy đủ các quy định về quản trị công ty.

## **VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

### **1. Ý KIẾN KIỂM TOÁN**

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 được lập ngày 31 tháng 03 năm 2023, từ trang 07 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Tại Báo cáo kiểm toán số 310322.014/BCTC.KT5 ngày 31 tháng 03 năm 2022 về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04, Kiểm toán viên đã đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ về việc Công ty chưa xem xét trích lập dự phòng đầu tư vào Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02 (Công ty liên kết), số dư nợ phải thu chưa được đối chiếu xác nhận, dự phòng công nợ phải thu khó đòi và hoạt động liên tục. Những vấn đề này vẫn chưa được Công ty khắc phục, thực hiện, do đó chúng tôi tiếp tục nêu ý kiến ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, cụ thể:

- Tại thời điểm 01/01/2022, Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02 (S72 - công ty liên kết) đang lỗ lũy kế với số tiền là 16,16 tỷ VND và Công ty đã trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ sở hữu của mình tại S72 và hạch toán toàn bộ số dự phòng này (5,49 tỷ VND) vào kết quả kinh



doanh trong năm 2021. Tại ngày 31/12/2022 khoản lỗ lũy kế của S72 là 6,38 tỷ VND, Công ty đã không trích lập dự phòng mà hoàn nhập lại toàn bộ số dự phòng 5,49 tỷ VND đã trích lập năm 2021 vào kết quả kinh doanh trong năm (Thuyết minh số 12). Ngoài ra, Kiểm toán viên của Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02 đã nêu ý kiến ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty này do ảnh hưởng của các vấn đề như ghi nhận thiếu chi phí khấu hao, và tính hiện hữu của các khoản ủy thác đầu tư. Do đó, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng để đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến số dự phòng đầu tư tài chính dài hạn tại thời điểm đầu năm và cuối năm cần trích lập trên Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty.

- Tại thời điểm 01/01/2022 và 31/12/2022, Công ty chưa trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản công nợ phải thu với số tiền lần lượt là 13,17 tỷ VND và 11,83 tỷ VND. Do ảnh hưởng của vấn đề này, trên Bảng cân đối kế toán tại thời điểm 01/01/2022 và 31/12/2022, chỉ tiêu "Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi" (Mã số 137) đang phản ánh thiếu và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" (Mã số 421) đang phản ánh thừa số tiền lần lượt là 13,17 tỷ VND và 11,83 tỷ VND; đồng thời trên Báo cáo kết quả kinh doanh chỉ tiêu Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2021 đang phản ánh thiếu số tiền là 271 triệu VND và năm 2022 đang phản ánh thừa số tiền là 1,33 tỷ VND.
- Tại thời điểm 01/01/2022 và 31/12/2022, các khoản công nợ phải thu ngắn hạn khách hàng chưa được đối chiếu xác nhận đầy đủ với số tiền lần lượt là 3,4 tỷ VND và 5,9 tỷ VND. Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về giá trị ghi sổ của khoản mục nêu trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh chỉ tiêu này và các ảnh hưởng nếu có đến Báo cáo tài chính kèm theo hay không.
- Tại thời điểm 31/12/2022, nợ quá hạn và lãi vay quá hạn chưa thanh toán là 6,53 tỷ VND (thuyết minh 13, thuyết minh 16 và thuyết minh 17), tiền chậm nộp thuế là 360 triệu VND (thuyết minh 15), các công trình đã quyết toán hết với chủ đầu tư và Công ty đang bị cơ quan thuế áp dụng biện pháp cưỡng chế hóa đơn. Những sự kiện này, cùng với các vấn đề được nêu ở Thuyết minh số 1, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 vẫn được trình bày trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục.

Trong năm 2021, Công ty thực hiện ký hợp đồng nhận chuyển nhượng căn biệt thự với ông Phạm Đức Thuận với giá trị là 10.661.420.000 VND. Đối tượng chuyển nhượng là căn biệt thự B1.1-BT03-20 tại Khu đô thị Thanh Hà - Cienco 5, phường Phú Lương, quận Hà Đông, Hà Nội. Trong năm 2022, Công ty đã thực hiện chuyển nhượng lại căn biệt thự này cho ông Quách Tài Chính theo Hợp đồng số B1.1-BT03-20/HĐCN với cùng giá trị chuyển nhượng là 10.661.420.000 VND. Đồng thời, trong năm 2022, Công ty cho ông Phạm Đức Thuận vay với tổng số tiền là 10.800.000.000 VND theo Hợp đồng số 01/2022/HĐVV/SĐ7.04-PĐT (Thuyết minh số 6). Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán cần thiết nhưng không thể xác định được tính hiện hữu và bản chất của các giao dịch nêu trên. Do đó, chúng tôi cũng không thể xác định được ảnh hưởng (nếu có) của các giao dịch trên đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 kèm theo của Công ty.

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



**Phạm Anh Tuấn**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0777-2023-002-1

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2023

**Nguyễn Duy Quảng**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm  
toán số: 3363-2020-002-1

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN NĂM 2022

Trang 32

Đơn vị phát hành: CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7.04

TT Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La ; Website: www.songda704.com.vn




**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022*


Mã TÀI SẢN số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>57.768.253.532</b>	<b>60.655.593.431</b>
<b>110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>179.512.811</b>	<b>1.003.290.215</b>
111 1. Tiền		179.512.811	1.003.290.215
<b>130 II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>49.800.357.737</b>	<b>51.829.031.378</b>
131 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	19.003.940.734	20.121.277.464
132 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	684.822.237	573.974.072
135 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	21.200.000.000	8.000.000.000
136 4. Phải thu ngắn hạn khác	7	19.521.550.205	33.301.711.692
137 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(10.609.955.439)	(10.167.931.850)
<b>140 III. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>7.606.312.592</b>	<b>7.606.312.592</b>
141 1. Hàng tồn kho		8.732.192.876	8.732.192.876
149 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.125.880.284)	(1.125.880.284)
<b>150 IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>182.070.392</b>	<b>216.959.246</b>
152 1. Thuế GTGT được khấu trừ		61.197.630	38.061.373
153 2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	120.872.762	178.897.873
<b>200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>105.055.281.161</b>	<b>97.881.079.270</b>
<b>210 I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>10.650.000.000</b>	-
215 1. Phải thu về cho vay dài hạn	6	10.650.000.000	-
<b>220 II. Tài sản cố định</b>		<b>1.851.661.161</b>	<b>159.331.615</b>
221 1. Tài sản cố định hữu hình	10	1.851.661.161	159.331.615
222 - Nguyên giá		32.922.834.777	31.156.925.686
223 - Giá trị hao mòn lũy kế		(31.071.173.616)	(30.997.594.071)
<b>240 III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>11</b>	-	<b>10.661.420.000</b>
242 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	10.661.420.000
<b>250 IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>12</b>	<b>92.553.620.000</b>	<b>87.060.327.655</b>
252 1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		92.553.620.000	92.553.620.000
254 2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		-	(5.493.292.345)
<b>270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>162.823.534.693</b>	<b>158.536.672.701</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
*(tiếp theo)*

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>14.499.386.187</b>	<b>15.822.404.361</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>14.499.386.187</b>	<b>15.822.404.361</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	5.822.803.956	5.900.795.791
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	6.143.841.781	6.643.841.781
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	369.651.156	923.141.774
314	4. Phải trả người lao động		108.689.833	194.750.100
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	445.225.137	445.225.137
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	1.519.160.412	1.259.385.966
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		90.013.912	455.263.812
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>148.324.148.506</b>	<b>142.714.268.340</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>18</b>	<b>148.324.148.506</b>	<b>142.714.268.340</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		64.800.000.000	64.800.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		64.800.000.000	64.800.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		15.960.000.000	15.960.000.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		54.514.367.796	54.514.367.796
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		13.049.780.710	7.439.900.544
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		7.439.900.544	(18.718.855.432)
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		5.609.880.166	26.158.755.976
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>162.823.534.693</b>	<b>158.536.672.701</b>

  
 Nguyễn Thị Tuyết Lan  
 Người lập biểu

  
 Ngô Quốc Thế  
 Kế toán trưởng


  
**TRẦN VĂN TÀI**  
 Tổng Giám đốc  
 Sơn La, ngày 31 tháng 03 năm 2023





**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
**Năm 2022**

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	10.661.420.000	(178.931.454)
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20	74.276.147	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		10.587.143.853	(178.931.454)
11	4. Giá vốn hàng bán	21	10.811.278.292	-
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(224.134.439)	(178.931.454)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	2.370.980.355	36.729.151.230
22	7. Chi phí tài chính	23	(5.493.292.345)	5.493.292.345
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	2.030.258.095	5.125.444.182
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		5.609.880.166	25.931.483.249
31	10. Thu nhập khác		-	227.272.727
40	11. Lợi nhuận khác		-	227.272.727
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.609.880.166	26.158.755.976
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25	-	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>5.609.880.166</u>	<u>26.158.755.976</u>
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	866	4.037

  
Nguyễn Thị Tuyết Lan  
Người lập biểu

  
Ngô Quốc Thế  
Kế toán trưởng

  
  
Trần Văn Tài  
Tổng Giám đốc  
Sơn La, ngày 31 tháng 03 năm 2023



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
**Năm 2022**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>5.609.880.166</b>	<b>26.158.755.976</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>		<b>(7.348.669.566)</b>	<b>(27.883.365.265)</b>
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		73.579.545	-
03	- Các khoản dự phòng		(5.051.268.756)	9.073.058.692
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.370.980.355)	(36.956.423.957)
08	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>(1.738.789.400)</b>	<b>(1.724.609.289)</b>
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		3.701.947.551	9.380.144.045
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		(957.768.274)	(160.056.321)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(106.614.200)	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(365.249.900)	(240.000.000)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>533.525.777</b>	<b>7.255.478.435</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(1.765.909.091)	(10.661.420.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		10.661.420.000	227.272.727
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(24.000.000.000)	(8.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		150.000.000	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		13.597.185.910	12.000.906.119
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(1.357.303.181)</b>	<b>(6.433.241.154)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>(823.777.404)</b>	<b>822.237.281</b>
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		1.003.290.215	181.052.934
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>179.512.811</u>	<u>1.003.290.215</u>



Nguyễn Thị Tuyết Lan  
Người lập biểu



Ngô Quốc Thế  
Kế toán trưởng



Trần Văn Tài  
Tổng Giám đốc

Sơn La, ngày 31 tháng 03 năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**Năm 2022**

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 được thành lập theo Quyết định số 22 CT/HĐQT ngày 20/12/2007 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 7.

Tên giao dịch quốc tế của Công ty là: Song Da 7.04 Joint - Stock Company, viết tắt là Song Da 7.04.

Vốn điều lệ của Công ty là: 64.800.000.000 VND; tương đương 6.480.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La - Tỉnh Sơn La.

Văn phòng giao dịch của Công ty đặt tại: Số 36 - V5A - Khu đô thị Văn Phú - Phường Phú La - Quận Hà Đông - Thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 10 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là 14 người).

**Lĩnh vực kinh doanh:** Xây lắp và sản xuất công nghiệp.

**Ngành nghề kinh doanh:**

Hoạt động chính của Công ty trong năm là chuyển nhượng bất động sản.

**Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

*Khả năng hoạt động liên tục*

Tại ngày 31/12/2022, nợ quá hạn và lãi vay quá hạn chưa thanh toán là 6,53 tỷ VND (thuyết minh 13, thuyết minh 16 và thuyết minh 17), tiền chậm nộp thuế là 360 triệu VND (thuyết minh 15), các công trình đã quyết toán hết với chủ đầu tư và Công ty đang bị cơ quan thuế áp dụng biện pháp cưỡng chế hóa đơn. Những sự kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty vẫn được trình bày dựa trên cơ sở giả định hoạt động liên tục vì các lý do sau:

- Công ty đang tập trung công tác quyết toán và thu hồi vốn tại các dự án thủy điện Lai Châu, thủy điện Huội Quảng, Nhà máy Xi măng Mai Sơn và dự án thủy điện Nậm Thi. Việc tập trung quyết toán các công trình sẽ giúp Công ty thu hồi được các khoản công nợ đã tồn đọng từ lâu do chờ quyết toán, dự kiến luồng tiền thu được từ các dự án này sẽ đủ bù đắp cho các khoản nợ đến hạn của Công ty;
- Công ty dự kiến sẽ chuyển hoạt động kinh doanh chính sang cho thuê máy móc, thiết bị. Hoạt động cho thuê máy móc, thiết bị cùng với nguồn lực về tài sản sẵn có, địa bàn hoạt động trải rộng, quan hệ khách hàng lâu năm sẽ giúp kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty tăng trưởng trong thời gian tới.

Trong năm, Doanh thu tăng 10.661.420.000 VND do Công ty chuyển nhượng lại căn biệt thự ký hiệu B1.1-BT03-20 diện tích 347 m<sup>2</sup> tại khu đô thị Thanh Hà- Cienco5, phường Phú Lương, quận Hà Đông, Hà Nội.



ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư vào công ty liên kết được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.

## **2.6 Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## **2.7 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình, sản phẩm chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## **2.8 Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm

## **2.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

## **2.10 Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

## **2.11 Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả, chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

## **2.12 Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.



**2.13 Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**2.14 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

**2.15 Chi phí tài chính**

Khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí dự phòng đầu tư tài chính, được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp****a) Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

**b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành**

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

**2.17 Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.



**2.18 Thông tin bộ phận**

Trong năm, doanh thu của Công ty chủ yếu từ việc chuyển nhượng bất động sản. Đồng thời, hoạt động của Công ty diễn ra toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

**3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	84.946.239	60.075.514
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	94.566.572	943.214.701
	<b>179.512.811</b>	<b>1.003.290.215</b>

**4 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Bên liên quan</b>	<b>6.716.909.120</b>	<b>(3.336.300.742)</b>	<b>6.716.909.120</b>	<b>(3.336.300.742)</b>
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao nguyên Sông Đà 7	44.307.637	-	44.307.637	-
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Xây dựng Safico	6.672.601.483	(3.336.300.742)	6.672.601.483	(3.336.300.742)
<b>Bên khác</b>	<b>12.287.031.614</b>	<b>(7.273.654.697)</b>	<b>13.404.368.344</b>	<b>(6.831.631.108)</b>
Công ty TNHH Xây dựng 1-5	1.712.823.369	(1.712.823.369)	1.712.823.369	(1.712.823.369)
Các đối tượng khác	10.574.208.245	(5.560.831.328)	11.691.544.975	(5.118.807.739)
	<b>19.003.940.734</b>	<b>(10.609.955.439)</b>	<b>20.121.277.464</b>	<b>(10.167.931.850)</b>

**5 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Bên khác</b>	<b>684.822.237</b>	<b>-</b>	<b>573.974.072</b>	<b>-</b>
Công ty TNHH Dịch vụ Hà Lam	278.784.072	-	278.784.072	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát Thiết kế và Xây dựng Mỏ địa chất	152.600.000	-	152.600.000	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Hà Nội	90.090.000	-	90.090.000	-
Chi nhánh Công ty CP Đầu tư CM - Trung tâm Môi trường và Khoáng sản	45.000.000	-	45.000.000	-
Các đối tượng khác	118.348.165	-	7.500.000	-
	<b>684.822.237</b>	<b>-</b>	<b>573.974.072</b>	<b>-</b>

**Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04**

Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La - Tỉnh Sơn La

**Báo cáo tài chính**

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**6 PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	01/01/2022		Trong năm		31/12/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a) Ngắn hạn</b>						
<b>Bên khác</b>	<b>8.000.000.000</b>	-			<b>21.200.000.000</b>	-
Công ty Cổ phần Việt Dũng	8.000.000.000	-	-		8.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Bè tông Sông Đà	-	-	13.200.000.000		13.200.000.000	-
	<b>8.000.000.000</b>	-	<b>13.200.000.000</b>		<b>21.200.000.000</b>	
<b>b) Dài hạn</b>						
<b>Bên khác</b>	-	-			<b>10.650.000.000</b>	-
Ông Phạm Đức Thuận	-	-	10.800.000.000	150.000.000	10.650.000.000	-
	-	-	<b>10.800.000.000</b>	<b>150.000.000</b>	<b>10.650.000.000</b>	

**Thông tin chi tiết về các khoản cho vay như sau:**

Hợp đồng cho vay	Loại tiền	Mục đích vay	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Hình thức đảm bảo	31/12/2022	01/01/2022
						VND	VND
Công ty Cổ phần Việt Dũng	VND	Bổ sung vốn lưu động	9,60%	3 tháng	Cầm cố (*)	8.000.000.000	8.000.000.000
Công ty Cổ phần Bè tông Sông Đà	VND	Bổ sung vốn lưu động	7,50%	12 tháng	Tín chấp	13.200.000.000	-
Ông Phạm Đức Thuận	VND	Đầu tư cá nhân	7,50%	24 tháng	Tín chấp	10.650.000.000	-
						<b>31.850.000.000</b>	<b>8.000.000.000</b>

(\*) Tài sản cầm cố là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với Phòng 4506, Tòa A, căn hộ cao cấp 48 tầng, lô E6, Khu đô thị mới Cầu Giấy, xã Mễ Trì, huyện Từ Liêm, Hà Nội với diện tích là 205,13 m<sup>2</sup>.



**7 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu về tạm ứng	1.163.249.026	-	2.153.249.026	-
Phải thu khác	18.358.301.179	-	31.148.462.666	-
- Ban Điều hành Dự án Thủy điện Sơn La	4.380.423.499	-	5.921.010.931	-
- Lãi cho vay phải thu	2.162.194.234	-	638.399.789	-
- Cổ tức được chia tại Công ty Cổ phần Thủy điện Cao nguyên Sông Đà 7(i)	11.477.534.000	-	24.227.534.000	-
- BHXH phải thu	268.431.035	-	261.799.535	-
- Các khoản phải thu khác	69.718.411	-	99.718.411	-
	<b>19.521.550.205</b>	<b>-</b>	<b>33.301.711.692</b>	<b>-</b>
<b>Trong đó: Bên liên quan</b>				
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao nguyên Sông Đà 7	11.477.534.000	-	25.227.534.000	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02	137.688.678	-	137.688.678	-
	<b>11.615.222.678</b>	<b>-</b>	<b>25.365.222.678</b>	<b>-</b>

(i) Khoản phải thu cổ tức được chia theo Nghị Quyết số 01NQ/SĐ7-ĐHĐCĐ của Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7 ngày 22/01/2021. Tổng số cổ tức Công ty được nhận là 36.227.534.000 VND (Thuyết minh 22), số đã được thanh toán là 24.750.000.000 VND, số còn phải thu tại 31/12/2022 là 11.477.534.000 VND. Tại ngày lập Báo cáo tài chính này, khoản cổ tức nêu trên đã quá hạn thanh toán theo quy định tại Điều 135 - Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 nhưng Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7 vẫn chưa thực hiện chi trả theo quy định của pháp luật hiện hành.

**8 NỢ XẤU**

Các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty TNHH Xây dựng 1-5	1.712.823.369	-	1.712.823.369	-
Doanh nghiệp tư nhân Thanh Phong	738.583.672	-	738.583.672	-
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Xây dựng Safico	6.672.601.483	3.336.300.741	6.672.601.483	3.336.300.741
Các đối tượng khác	11.147.768.940	6.325.521.284	11.147.768.940	6.767.544.873
	<b>20.271.777.464</b>	<b>9.661.822.025</b>	<b>20.271.777.464</b>	<b>10.103.845.614</b>

**9 HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.657.207.175	-	1.657.207.175	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.074.985.701	(1.125.880.284)	7.074.985.701	(1.125.880.284)
- Tại công trình Nhà máy Xi măng Mai Sơn (*)	7.074.985.701	(1.125.880.284)	7.074.985.701	(1.125.880.284)
	<b>8.732.192.876</b>	<b>(1.125.880.284)</b>	<b>8.732.192.876</b>	<b>(1.125.880.284)</b>

(\*) Công trình Kho tròn đồng nhất đá vôi thực hiện tại nhà máy Xi măng Mai Sơn được thực hiện từ năm 2010, hiện Công trình đang chờ quyết toán với chủ đầu tư. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của công trình được ước tính bằng chênh lệch giữa giá trị chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đã tập hợp của công trình và giá trị ứng trước của chủ đầu tư. Giá trị ứng trước của chủ đầu tư xem chi tiết tại Thuyết minh số 14.

**10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	609.682.400	26.368.985.166	4.178.258.120	31.156.925.686
- Mua trong năm	-	-	1.765.909.091	1.765.909.091
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>609.682.400</b>	<b>26.368.985.166</b>	<b>5.944.167.211</b>	<b>32.922.834.777</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	609.682.400	26.209.653.551	4.178.258.120	30.997.594.071
- Khấu hao trong năm	-	-	73.579.545	73.579.545
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>609.682.400</b>	<b>26.209.653.551</b>	<b>4.251.837.665</b>	<b>31.071.173.616</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu năm	-	159.331.615	-	159.331.615
Tại ngày cuối năm	-	<b>159.331.615</b>	<b>1.692.329.546</b>	<b>1.851.661.161</b>

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 30.959.925.686 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là 30.959.925.686 VND)

**11 TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN**

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
- Mua sắm tài sản cố định (i)	-	10.661.420.000
	<b>-</b>	<b>10.661.420.000</b>

(i) Khoản tiền đã trả cho ông Phạm Đức Thuận để nhận chuyển nhượng lại căn biệt thự ký hiệu B1.1-BT03-20 diện tích 347 m<sup>2</sup> tại khu đô thị Thanh Hà- Cienco5, phường Phú Lương, quận Hà Đông, Hà Nội theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở công chứng số 1406/Q4.2/2020 ký với ông Phạm Đức Thuận và xác nhận chuyển nhượng của chủ đầu tư Công ty cổ phần phát triển địa ốc Cienco 5 ngày 05/11/2021. Trong năm, Công ty đã thực hiện chuyển nhượng cho ông Quách Tài Chính theo Hợp đồng B1.1-BT03-20/HĐCN Giá trị chuyển nhượng 10.661.420.000 VND.



**Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04**

Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La - Tỉnh Sơn La

**Báo cáo tài chính**

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**12 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN****Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Mã CK	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Giá gốc	Tỷ lệ quyền biểu quyết %
	VND		VND	
<b>Đầu tư vào Công ty liên kết</b>	<b>92.553.620.000</b>	-	<b>92.553.620.000</b>	<b>(5.493.292.345)</b>
- Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7	51.753.620.000	43,13	51.753.620.000	-
- Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02 S72	40.800.000.000	34,00	40.800.000.000	(5.493.292.345)
	<b>92.553.620.000</b>		<b>92.553.620.000</b>	<b>(5.493.292.345)</b>

Đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7: Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02: tại ngày 31/12/2021, giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này được xác định theo giá đóng cửa chứng khoán này trên sàn UPCOM. Tại ngày 31/12/2022 công ty đánh giá giá trị hợp lý của khoản đầu tư bằng với giá gốc.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2022 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7	Tỉnh Lâm Đồng	43,13%	43,13%	Thủy điện
Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02	Tỉnh Lai Châu	34,00%	34,00%	Thủy điện

**13 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Bên khác</b>	<b>5.822.803.956</b>	<b>5.822.803.956</b>	<b>5.900.795.791</b>	<b>5.900.795.791</b>
Công ty Cổ phần Kinh doanh Xi măng Miền Bắc	1.654.041.579	1.654.041.579	1.654.041.579	1.654.041.579
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thành Đạt	383.789.500	383.789.500	383.789.500	383.789.500
Phải trả cho các đối tượng khác	3.784.972.877	3.784.972.877	3.862.964.712	3.862.964.712
	<b>5.822.803.956</b>	<b>5.822.803.956</b>	<b>5.900.795.791</b>	<b>5.900.795.791</b>
<b>Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>				
Công ty Cổ phần Kinh doanh Xi măng Miền Bắc	1.654.041.579	1.654.041.579	1.654.041.579	1.654.041.579
Phải trả cho các đối tượng khác	4.168.762.377	4.168.762.377	3.930.677.118	3.930.677.118
	<b>5.822.803.956</b>	<b>5.822.803.956</b>	<b>5.584.718.697</b>	<b>5.584.718.697</b>

**14 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Bên khác</b>	<b>6.143.841.781</b>	<b>6.643.841.781</b>
Công ty Cổ phần Xi măng Mai Sơn (i)	5.949.105.417	5.949.105.417
Các đối tượng khác	194.736.364	694.736.364
	<b>6.143.841.781</b>	<b>6.643.841.781</b>

(i) Khoản công nợ Công ty Cổ phần Xi măng Mai Sơn ứng trước thực hiện các hạng mục tại Công trình Nhà máy Xi măng Mai Sơn (Thuyết minh số 9).

**15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	178.897.873	-	178.897.873	14.258.562	14.258.562	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	4.172.578	-	106.614.200	106.614.200	4.172.578
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	5.000.000	-	-	5.000.000
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp	-	918.969.196	-	558.490.618	-	360.478.578
	<b>178.897.873</b>	<b>923.141.774</b>	<b>186.897.873</b>	<b>682.363.380</b>	<b>120.872.762</b>	<b>369.651.156</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Tại thời điểm 31/12/2022, số tiền chậm nộp thuế của Công ty là 360 triệu VND. Do còn nợ tiền thuế và lãi chậm nộp nên Công ty đang bị cơ quan thuế áp dụng biện pháp cưỡng chế hóa đơn.



**16 CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Chi phí lãi vay	445.225.137	445.225.137
	<b>445.225.137</b>	<b>445.225.137</b>
<b>b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>		
Chi phí lãi vay	445.225.137	445.225.137
	<b>445.225.137</b>	<b>445.225.137</b>

**17 PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Kinh phí công đoàn	957.407.974	941.659.174
Bảo hiểm xã hội	244.025.646	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	317.726.792	317.726.792
- Cổ tức phải trả	263.464.500	263.464.500
- Công ty Cổ phần Sông Đà 7	4.649.319	4.649.319
- Phải trả, phải nộp khác	49.612.973	49.612.973
	<b>1.519.160.412</b>	<b>1.259.385.966</b>
<b>b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>		
- Cổ tức phải trả	263.464.500	263.464.500
	<b>263.464.500</b>	<b>263.464.500</b>
<b>c) Trong đó: Bên liên quan</b>		
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	4.649.319	4.649.319
	<b>4.649.319</b>	<b>4.649.319</b>



**Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04**

Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La - Tỉnh Sơn La

**Báo cáo tài chính**  
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022**18 VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>64.800.000.000</b>	<b>15.960.000.000</b>	<b>54.514.367.796</b>	<b>(18.718.855.432)</b>	<b>116.555.512.364</b>
Lãi trong năm trước	-	-	-	26.158.755.976	26.158.755.976
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>64.800.000.000</b>	<b>15.960.000.000</b>	<b>54.514.367.796</b>	<b>7.439.900.544</b>	<b>142.714.268.340</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>64.800.000.000</b>	<b>15.960.000.000</b>	<b>54.514.367.796</b>	<b>7.439.900.544</b>	<b>142.714.268.340</b>
Lãi trong năm nay	-	-	-	5.609.880.166	5.609.880.166
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>64.800.000.000</b>	<b>15.960.000.000</b>	<b>54.514.367.796</b>	<b>13.049.780.710</b>	<b>148.324.148.506</b>

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2022	Tỷ lệ	01/01/2022	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Đặng Thị Hồng Hạnh	16.000.000.000	24,69	16.000.000.000	24,69
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại	33.544.720.000	51,77	33.544.720.000	51,77
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	2.496.000.000	3,85	2.496.000.000	3,85
Ông Nguyễn Văn Hùng	3.000.000.000	4,63	3.000.000.000	4,63
Các cổ đông khác	9.759.280.000	15,06	9.759.280.000	15,06
	<b>64.800.000.000</b>	<b>100</b>	<b>64.800.000.000</b>	<b>100</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp đầu năm	64.800.000.000	64.800.000.000
- Vốn góp cuối năm	64.800.000.000	64.800.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận:</b>		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	263.464.500	263.464.500
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	263.464.500	263.464.500

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.480.000	6.480.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.480.000	6.480.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.480.000	6.480.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.480.000	6.480.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.480.000	6.480.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ Cổ phiếu

**e) Các quỹ của công ty**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	54.514.367.796	54.514.367.796
	<b>54.514.367.796</b>	<b>54.514.367.796</b>

**19 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu chuyển nhượng bất động sản	10.661.420.000	-
Doanh thu xây lắp bị cắt giảm do quyết toán hoàn thành	-	(178.931.454)
	<b>10.661.420.000</b>	<b>(178.931.454)</b>

**20 CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu xây lắp bị cắt giảm do quyết toán hoàn thành	74.276.147	-
	<b>74.276.147</b>	<b>-</b>

**21 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	10.811.278.292	-
	<b>10.811.278.292</b>	<b>-</b>

**22 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.370.980.355	501.617.230
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	36.227.534.000
	<b>2.370.980.355</b>	<b>36.729.151.230</b>
Trong đó: Doanh thu tài chính từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 29)	-	36.227.534.000

**23 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính	(5.493.292.345)	5.493.292.345
	<b>(5.493.292.345)</b>	<b>5.493.292.345</b>

**24 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nhân công	1.308.475.615	1.326.554.721
Chi phí khấu hao tài sản cố định	73.579.545	-
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng	442.023.589	3.579.766.347
Chi phí dịch vụ mua ngoài	130.587.213	71.336.347
Chi phí khác bằng tiền	72.592.133	144.786.767
	<b>2.030.258.095</b>	<b>5.125.444.182</b>



**25 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
<b>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</b>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	5.759.738.458	26.158.755.976
Các khoản điều chỉnh tăng	34.163.788	-
- Chi phí không được trừ	34.163.788	
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(36.227.534.000)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	(36.227.534.000)
Lỗ kết chuyển	(5.793.902.246)	
Thu nhập chịu thuế TNDN	-	(10.068.778.024)
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	4.172.578	4.172.578
Thuế TNDN đã nộp trong năm	-	-
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm từ hoạt động kinh doanh chính</b>	<b>4.172.578</b>	<b>4.172.578</b>
<b>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh bất động sản</b>		
Tổng lợi nhuận kế toán từ hoạt động kinh doanh bất động sản	(149.858.292)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	(149.858.292)	-
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Các khoản tạm nộp trên số tiền thu trước của HĐKD bất động sản	(106.614.200)	
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm của HĐKD bất động sản</b>	<b>(106.614.200)</b>	<b>-</b>
<b>Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>(102.441.622)</b>	<b>4.172.578</b>

**26 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	5.609.880.166	26.158.755.976
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	5.609.880.166	26.158.755.976
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	6.480.000	6.480.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>866</b>	<b>4.037</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

**27 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nhân công	1.308.475.615	1.326.554.721
Chi phí khấu hao tài sản cố định	73.579.545	-
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng	442.023.589	3.579.766.347
Chi phí dịch vụ mua ngoài	130.587.213	71.336.347
Chi phí khác bằng tiền	72.592.133	144.786.767
	<b><u>2.030.258.095</u></b>	<b><u>5.125.444.182</u></b>

**28. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

**29 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao nguyên Sông Đà 7	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	Cùng chủ tịch HĐQT
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Xây dựng Safico	Thành viên HĐQT Công ty là Phó Giám đốc BLQ
Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02	Công ty liên kết

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

<b>Cổ tức, lợi nhuận được chia</b>	-	<b>36.227.534.000</b>
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao nguyên Sông Đà 7	-	36.227.534.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

Thù lao, tiền lương và các khoản thu nhập khác của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và người quản lý khác như sau:

	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
		<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ông Nguyễn Hữu Nhuận	Thành viên HĐQT	231.442.055	218.357.125
Ông Trần Văn Tài	Tổng Giám đốc	248.077.746	242.044.045
Ông Ngô Quốc Thế	Kế toán trưởng	93.719.465	59.488.559

Ngoài các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

**30. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

**Nguyễn Thị Tuyết Lan**  
Người lập biểu

**Ngô Quốc Thế**  
Kế toán trưởng



**Trần Văn Tài**  
Tổng Giám đốc  
Sơn La, ngày 31 tháng 03 năm 2023



**CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 7.04**

**Tổng giám đốc**

*Trần Văn Tài*